TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DS-ST
Ngày: 04/4/2018
V/v "Tranh chấp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gẩm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệu.
2. Ông Phạm Thanh Diễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích C, sinh năm 1980 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp 6, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn: Bà Hồ Thị D, sinh năm 1969 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 6, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Đảm E, sinh năm 1966 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 6, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Bích C trình bày:

Do quen biết nhau nên bà có tham gia chơi 4 dây hụi do bà Hồ Thị D làm chủ, cụ thể:

- Dây 01 hụi 500.000 đồng/tháng mở ngày 15/02/2015 âm lịch gồm 34 phần, bà tham gia 01 phần, đóng được 24 lần với số tiền là 9.120.000 đồng.
- Dây 02 hụi 500.000 đồng/tháng mở ngày 30/7/2015 âm lịch gồm 27 phần, bà tham gia 01 phần, đóng được 19 lần với số tiền là 7.220.000 đồng.
- Dây 03 hụi 500.000 đồng/tháng mở ngày 10/10/2015 âm lịch gồm 31 phần,

bà tham gia 01 phần, đóng được 16 lần với số tiền là 6.080.000 đồng.

- Dây 04 hụi 500.000 đồng/tháng mở ngày 05/5/2016 âm lịch gồm 25 phần, bà tham gia 01 phần, đóng được 09 lần với số tiền là 3.420.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền hụi bà đã đóng cho bà Diễm là 25.840.000 đồng. Đến ngày 05/02/2017 âm lịch, bà D tuyên bố bể hụi, bà đã ngưng các dây hụi và không đóng nữa. Hiện tại bà D còn nợ của bà số tiền hụi là 25.840.000 đồng.

Khi tham gia chơi hụi, bà D có lập danh sách các hụi viên và giao cho các hụi viên. Sau khi bể hụi, bà có đến nhà gặp bà Diễm yêu cầu bà D thanh toán số tiền hụi đã đóng nhưng bà D cứ hẹn lần hẹn lượt cho đến nay vẫn không trả khoản nào. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và chồng là ông Trần Văn Đảm E phải trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 25.840.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn bà Hồ Thị D, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhưng bà D vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm bà D vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của bà D.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đảm E (chồng bà D) tuy vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa nhưng tại biên bản làm việc ngày 28/02/2018 ông trình bày: Vào thời điểm năm 2015-2016 vợ ông là bà D có làm chủ hụi, mục đích chơi hụi là để phát triển kinh tế gia đình. Ông biết bà C có tham gia chơi hụi do vợ ông làm chủ. Ông đồng ý cùng liên đới với bà D trả số tiền nợ hụi cho bà C là 25.840.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn, hiện thiếu nợ của nhiều người không có khả năng trả một lần nên ông xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Giữa bà Trần Thị Bích C và bà Hồ Thị D tranh chấp hụi với nhau. Bị đơn bà D đang cư trú tại xã S, huyện G nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ kiện vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Xét thấy giữa bà C và bà D tham gia chơi hụi với nhau dưới hình thức thỏa thuận miệng, không làm hợp đồng hay giấy tờ rõ ràng. Sau khi tuyên bố bể hụi thì giữa bà D và bà C cũng không cùng nhau tổng kết tiền nợ hụi bằng một văn bản có ký tên xác nhận rõ ràng. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự thì: "Họ, hụi, biêu, phường là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác..." Về cách thức giao dịch tài sản theo

hình thức hụi thì pháp luật không có quy định mà chủ yếu hình thành từ những phương thức ứng xử, xử sự trong cộng đồng dân cư, mang tính phổ biến, từ đó hình thành tập quán giao dịch tài sản dưới hình thức hụi trong nhân dân.

[3] Phía nguyên đơn bà C cho rằng trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2016 bà có tham gia chơi hụi do bà D làm chủ. Bà đã đóng được tổng cộng số tiền của 4 dây hụi cho bà D là 25.840.000 đồng nhưng chưa được hốt hụi. Đến ngày 05/02/2017 âm lịch bà D tuyên bố bể hụi và cho đến nay cũng chưa thanh toán số tiền hụi nêu trên cho bà. Xét thấy, việc tham gia hụi là sự tự nguyện giữa các bên nhằm mục đích tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên được xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[4] Đối với bà D, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà D đều vắng mặt và không có ý kiến phản bác trước yêu cầu khởi kiện của bà C nên bà D phải chịu trách nhiệm do việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, ông Đảm E là chồng bà D trong quá trình giải quyết vụ án đã có lời trình bày: Vào thời điểm năm 2015-2016 vợ ông là bà D có làm chủ hụi, mục đích chơi hụi là để phát triển kinh tế gia đình. Ông biết bà C có tham gia chơi hụi do vợ ông làm chủ. Sau khi bị bể hụi, vợ chồng ông đã thiếu nợ hụi của rất nhiều người, trong đó có bà C. Ông đồng ý cùng liên đới với bà D trả số tiền nợ hụi cho bà C là 25.840.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn, hiện thiếu nợ của nhiều người không có khả năng trả một lần nên ông xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

[5] Trong vụ án này, mặc dù ông Trần Văn Đảm E là chồng bà D không trực tiếp tham gia hụi nhưng chính ông đã thừa nhận ông và bà D là vợ chồng có đăng ký kết hôn, từ trước giờ vẫn chung sống và cùng nhau làm ăn chung để phát triển kinh tế gia đình. Hơn nữa, hôn nhân của ông và bà D đang tồn tại và được pháp luật thừa nhận. Tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã quy định: "Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện". Trước yêu cầu khởi kiện của bà C thì ông cũng đồng ý cùng bà D có trách nhiệm trả số tiền hụi 25.840.000 đồng. Do đó, ông Đảm E phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Dtrả số tiền hụi còn nợ cho bà C.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

- Bà D và ông Đảm E phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án với số tiền là: 25.840.000 đồng x 5% = 1.292.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, Điều 27 của Luật Hôn nhân và

gia đình, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích C.

Buộc bà Hồ Thị Dvà ông Trần Văn Đảm E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Bích C số tiền là 25.840.000 (Hai mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Hồ Thị D và ông Trần Văn Đảm Ephải liên đới chịu là 1.292.000 (Một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

- Bà Trần Thị Bích C không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 646.000 (Sáu trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013712 ngày 28/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Uỷ ban nhân dân nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Gẩm